

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST .

Ngày: 08 - 3 - 2023

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên
Tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 597/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Đặng Thu Ng, sinh năm 2001.

ĐKKHKT: Ap TB, x TB, H GR, T KG

Địa chỉ tạm trú: Ap TA, TT, H TH, T KG

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ap TB, x TB, H GR, T KG

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Kh, sinh năm 1980.

- Người chứng kiến:

1. Bà Phan Thị Thu V;

2. Bà Nguyễn Thị V1.

Cùng trú tại: Ap TB, x TB, H GR, T KG

(Tất cả đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Đặng Thu Ng trình bày: Chị Ng và anh M tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Bình, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, ngày 18/7/2019. Sau khi kết

hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay, hiện tại chị đã về sống với cha mẹ ruột tại xã Thạnh T, huyện TH, tỉnh KG. Nay chị xét thấy chị không còn tình cảm với anh M, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Chị xác định có 01 người con Nguyễn Hoàng Gia Kh1, sinh ngày 28/02/2019, sau khi ly thân chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con, nếu anh M yêu cầu chia tài sản chung, thì chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Ng xác định hiện tại chị đang làm công nhân tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang thu nhập bình quân mỗi tháng 4.500.000 đồng và chị và con sinh sống cùng với cha mẹ ruột tại ấp Thạnh An 1, xã Thạnh Tri, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Về tài sản chung: Chị Ng xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có 21 chỉ vàng 24k loại 98% và 13 chỉ vàng 18k. Số vàng này do cha mẹ và thân tộc bên nhà chồng cho trong ngày cưới và vợ chồng tạo lập thêm. Trong số vàng này anh M đang cất giữ 10 chỉ vàng 24k, phần còn lại chị Ng cất giữ. Chị đồng ý chia số vàng này, nhưng khấu trừ 10 chỉ vàng anh M đang giữ, nên chị chỉ giao lại cho anh M là 01 chỉ vàng 24k loại 98% và 6,5 chỉ vàng 18k và chị sẽ giao vàng cho anh M khi bản án có hiệu lực.

Riêng 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k là tài sản của mẹ chị là bà Đặng Thị Kh đưa cho chị đeo làm nữ trang chứ không phải cho vợ chồng trong ngày cưới. Số vàng này chị đeo lúc còn con gái khi chưa quen anh M. Hiện tại chị đã trả lại cho mẹ chị số vàng trên. Nay anh M xác định đây là vàng chung và yêu cầu chia chị không đồng ý. Vì thực tế vàng này có trước khi chị và anh M đăng ký kết hôn và là vàng của mẹ chị.

Về nợ chung: Chị Ng không yêu cầu xem xét.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh M xác nhận lời trình bày của chị Ng về hôn nhân; con chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Tuy nhiên, về tài sản chung chị Ng trình bày là không đúng.

Về hôn nhân: Chị Ng yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ng.

Về con chung: Anh M đồng ý giao con cho chị Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Ng. Nếu chị

Ng không có khả năng nuôi con thì giao con cho anh nuôi anh không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M xác định hiện tại anh sống cùng với cha mẹ ruột tại ap TB, x TB, H GR, T KG Hiện tại anh làm ruộng cùng với cha mẹ và nhân viên tại nhà hàng thu nhập ổn định bình quân hàng tháng là 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh M xác định sản chung gồm có 31 chỉ vàng 24k loại 98% và 23 chỉ 18kr. Trong đó, nhà trai cho trong ngày cưới là 11 chỉ vàng 24k; 10 chỉ vàng 18kr; nhà gái cho 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18kr; vợ chồng tạo lập được 11 chỉ vàng 24k và 05 chỉ vàng 18kr. Số vàng do nhà gái cho không có công bố tại buổi lễ cưới do mẹ của Ng ngồi tại bàn làm lễ cưới bên nhà trai nói lên. Bàn làm lễ cưới bên nhà trai gồm có thân tộc cô chú bác của anh M.

Nay anh phản tố yêu cầu chia tổng số vàng là 57 chỉ trong đó 32 chỉ vàng 24k loại 98% và 25 chỉ vàng 18kr. Mỗi người được 50%. Trong đó anh đang cất giữ 10 chỉ vàng 24k, anh đồng ý cản trừ số vàng anh giữ và phần còn lại đề nghị chị Ng phải chia cho anh bằng vàng.

Về nợ chung: Anh M không yêu cầu xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kh trình bày: Bà Kh xác định bà là mẹ ruột của Nguyễn Đăng Thu Ng. Nguyên trước đây bà có đưa cho con gái là Ng 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18kr gồm nhẫn lắc, dây chuyền đeo làm nữ trang về nhà chồng, chỉ đưa để đeo làm nữ trang chứ bà không cho chung vợ chồng Ng và M. Khi Ng và M mâu thuẫn Ng bỏ nhà bà ở thì Ng đã trả lại cho bà số vàng trên. Nay Ng và M tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này. Vì hiện tại vàng của bà đã nhận lại đủ.

- ***Người chứng kiến bà Phan Thị Thu V trình bày:*** Bà V xác định bà là mẹ của anh Nguyễn Văn M, vào ngày 29/4/2018, nhà trai làm lễ cưới cho M và Ng, thì tại bàn lễ có hai họ chứng kiến bà Đặng Thị Kh mẹ của Ng có nói là cho con 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ 18kr, bà có nói với bà Kh rằng chị xui cho vàng con thì cầm micro công bố để được nở mặt nở mày, nhưng bà Kh không có lên công bố mà chỉ nói tại bàn. Nên bà xác định bà Kh cho tài sản vàng là của chung của M và Ng. Nay bà Kh cho rằng đây là vàng của bà để cho Ng đeo thì bà không có ý kiến gì.

- ***Người chứng kiến bà Nguyễn Thị V1 trình bày:*** Bà V1 xác định bà là cô ruột của Nguyễn Văn M. Vào ngày 29/4/2018 ngày tổ chức lễ cưới của M với Ng bà có tham dự đại diện thân tộc nhà trai, tại bàn làm lễ mẹ của Ng là bà Đặng Thị Kh có nói cho con 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18kr, bà Kh cho con chứ không

nói cụ thể cho chung hay riêng. Theo bà xác định trong ngày cưới cha mẹ cho vàng thì là cho chung nên bà cho rằng đây là vàng chung của M và Ng.

Tại phiên tòa chị Ng giữ yêu cầu khởi kiện là được ly hôn với anh M, yêu cầu được nuôi con thay đổi một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Đặng Thu Ng và Nguyễn Văn M thống nhất tài sản chung gồm 22 chỉ vàng 24k; 13 chỉ vàng 18kr. Trong đó anh M đang cất giữ 10 chỉ vàng 24k, phần còn lại do chị Ng quản lý toàn bộ. Hai bên thống nhất mỗi người được 50% số vàng trên.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M xin rút lại một phần phản tố chỉ yêu cầu chia số vàng như đã thống nhất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kh không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án được thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng anh M chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Bình ngày 18/7/2019 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Ng anh M phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau gần 01 năm nay. Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị đã không còn hạnh phúc và cả hai đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Ng anh M.

Về con chung: Chị Ng anh M xác có 01 người con chung Nguyễn Hoàng Gia Kh1, sinh ngày 28/02/2019. Anh M đồng ý giao con cho chị Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nhưng anh M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo sự phát triển của con đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị Ng anh M thống nhất tài sản chung là 22 chỉ vàng 24k; 13 chỉ vàng 18kr chia mỗi người 50%. anh M đang giữ một phần buộc chị Ng có trách nhiệm giao lại phần vàng còn lại cho anh M.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố do anh M đã rút lại.

Về án phí: Buộc các đương sự chịu án ly hôn, án phí cấp dưỡng và chia tài

sản chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Ng khởi kiện xin ly hôn, và chia tài sản chung đối với bị đơn anh M nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, , chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh M là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ cư trú hiện nay tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Bình, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh M chung sống vợ chồng với nhau có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Bình, huyện Giồng Riềng nên Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Nay anh chị xác định không thể nào hàn gắn nhằm tiếp tục xây dựng hôn nhân lâu dài, cả hai đều thống nhất ly hôn. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ng và anh M được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Chị Ng anh M xác có 01 người con chung Nguyễn Hoàng Gia Kh1, sinh ngày 28/02/2019. Anh M đồng ý giao con cho chị Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nhưng anh M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Do con chưa thành niên và để đảm bảo sự phát triển của con và một phần nhu cầu thiết yếu cho con. Hội đồng xét xử xét thấy nghĩa vụ và quyền của cha mẹ sau khi ly hôn và không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Nên Hội xét xét thấy cần buộc anh M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh M xác định thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng, nên trong quá trình nghị án thảo luận thống nhất buộc anh M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 tháng, cho đến khi cháu Kh1 đủ tuổi trưởng thành.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Ng anh M thống nhất tài sản chung gồm: 22 chỉ vàng 24k loại 98% và 13 chỉ vàng 18kr. Các bên thống nhất chia mỗi người 50%

số vàng chung, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; chấp một phần yêu cầu của nguyên đơn và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Về hôn nhân cho chị Nguyễn Đặng Thu Ng được ly hôn với chị Nguyễn Văn M.

Về tài sản chung: Công nhận 22 chỉ vàng 24k loại 98% và 13 chỉ vàng 18kr , chia mỗi người 50%. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Ng, anh M chia số vàng chung. Chị Ng được chia là 11 chỉ vàng 24k loại 98% và 6,5 chỉ vàng 18kra. Anh M được chia là 11 chỉ vàng 24k loại 98% và 6,5 chỉ vàng 18kra. Trong đó anh M quản lý 10 chỉ vàng 24k, phần còn lại do chị Ng quản lý. Nên chị Ng có trách nhiệm giao lại cho anh M là 01 chỉ vàng 24k loại 98% và 6,5 chỉ vàng 18kra.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố do anh M đã rút lại.

[2.4] Về nợ chung: Chị Ng, anh M xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất giá vàng 24k và 18kra tại thời điểm xét xử có giá như sau: Vàng 24k loại 98% có giá 5.200.000 đồng/ 01 chỉ và vàng 18kra có giá 3.900.000 đồng/01 chỉ.

[4] Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung phần chị Ng được chia là: 11 chỉ vàng 24k x 5.200.000 đồng x 5% = 2.860.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 18kr x 3.900.000 đồng x 5% = 1.267.500 đồng. Tổng cộng án phí chị Ng phải nộp là 4.427.500 đồng (bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp là 300.000 đồng, chị Ng còn phải nộp là 4.127.500 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Án phí cấp dưỡng: Anh M phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng và phải chịu án phí anh M tài sản được chia là: 11 chỉ vàng 24k x 5.200.000 đồng x 5% = 2.860.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 18kr x 3.900.000 đồng x 5% = 1.267.500

đồng. Tổng cộng án phí anh M phải nộp là 4.427.500 đồng (bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh M đã nộp là 6.455.000 đồng, anh M còn được nhận tiền tạm ứng án phí còn dư 2.027.500 đồng theo biên lai thu số 0003234, ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a,b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 33; khoản 1 Điều 56, Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Đăng Thu Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia Kh1, sinh ngày 28/02/2019, cho chị Nguyễn Đăng Thu Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày tuyên án (08/3/2023, đến khi cháu Kh1 đủ tuổi trưởng thành).

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn. Công nhận và chia tài sản chung là 22 chỉ vàng 24k loại 98%; 13 chỉ vàng 18kr, mỗi người được 50%.Chị Nguyễn Đăng Thu Ng được chia là 11 chỉ vàng 24k loại 98% và 6,5 chỉ vàng 18kra. Anh Nguyễn Văn M được chia là 11 chỉ vàng 24k loại 98% và 6,5 chỉ vàng 18kra.

Tài sản do anh M quản lý 10 chỉ vàng 24k, phần còn lại do chị Ng quản lý. Nên chị Ng có trách nhiệm giao lại cho anh M là 01 chỉ vàng 24k loại 98% và 6,5 chỉ vàng 18kra.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố do anh M đã rút lại.

Về nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Nguyễn Đăng Thu Ng phải chi án phí là 4.427.500 đồng (bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 003585, ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, chị Ng còn phải nộp thêm số tiền 4.127.500 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí là 4.427.500 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp là 6.455.000 đồng, anh M còn được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn dư là 2.027.500 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0003234, ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự đều có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

